

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CĐ
TỈNH LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/HS-ST
Ngày: 12 - 4 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CĐ, TỈNH LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Hữu Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Ngọc Mai

Ông Dương Tấn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CĐ, tỉnh LA.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CĐ, tỉnh LA tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CĐ, tỉnh LA xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

Lâm Thị Trúc L, tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1997; Tại: LA; Nơi cư trú: ấp VP, xã ML, huyện CĐ, tỉnh LA; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Lâm Tùng Th và bà: Lâm Thị Thu Ph; Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 13/12/2022 đến nay (có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Chị Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm 1984 (đã chết);

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Anh Lê Hoàng M, sinh năm 1973 (chồng của bị hại – có mặt);

Địa chỉ: Ấp 6, xã TT, huyện CĐ, tỉnh LA.

2. Ông Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1961 (cha ruột của bị hại – có mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã ML, huyện CĐ, tỉnh LA.

3. Bà Võ Thị N, sinh năm 1968 (mẹ ruột của bị hại – có mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã ML, huyện CĐ, tỉnh LA.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Lâm Tùng Th, sinh năm 1972 (có mặt);

Địa chỉ: Số nhà 52A, ấp VP, xã ML, huyện CD, tỉnh LA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi của bị cáo: Vào khoảng 07 giờ ngày 28/10/2022, Lâm Thị Trúc L, không có giấy phép lái xe hạng A1, điều khiển xe mô tô biển số 62L1-419.31 có dung tích xi lanh 97 cm³, của ông Lâm Tùng Th (là cha của L) lưu thông trên đường Tỉnh lộ 826, đi theo hướng từ nhà tại ấp VP, xã ML, huyện CD đến chợ Rạch Kiến thuộc xã Long Hòa, huyện CD. Khi đến đoạn đường thuộc ấp 2, xã Tân Trạch, huyện CD, L điều khiển xe chạy với vận tốc khoảng 40km/h thì thấy chị Nguyễn Thị Mộng T điều khiển xe đạp, chở phía sau Lê Thành Đạt, lưu thông cùng chiều phía trước. Khi xe L còn cách xe đạp khoảng 03m, L không báo hiệu vượt mà cho xe vượt bên trái của xe đạp của chị T (do không đảm bảo an toàn) nên gác chân phía trước bên phải của xe 62L1-419.31 va chạm vào xe đạp của chị T gây tai nạn. Hậu quả, chị T bị thương nặng được người dân đưa đi cấp cứu tại Trung tâm y tế huyện CD cơ sở 2 và tử vong cùng ngày, còn L và cháu Đạt bị thương tích nhẹ. Việc L lấy xe 62L1-419.31 của ông Th lưu thông trên đường Tỉnh lộ 826, L không nói cho ông Th biết.

Tại Kết luận giám định pháp y về tử thi số: 1003/KL-KTHS, ngày 04/11/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh LA kết luận nạn nhân Nguyễn Thị Mộng T:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: Trầy xước da đầu vùng trán và mặt bên phải. Bầm tụ máu dưới da đầu vùng chẩm trái. Rạn, vỡ xương hộp sọ vùng chẩm trái và hố sọ sau trái. Máu tụ dưới màng cứng bán cầu phải. Dập não thùy trán và chẩm phải.

2. Kết luận nguyên nhân chết do: chấn thương sọ não.

Căn cứ vào sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông lập lúc 08 giờ 00 phút ngày 28/10/2022, giữa xe mô tô biển số 62L1-419.31 với xe đạp. Xác định hiện trường là đoạn đường Tỉnh 826, thuộc ấp 2, xã Tân Trạch, huyện CD, tỉnh LA. Đoạn đường xảy ra tai nạn giao thông là đoạn đường thẳng, được trải nhựa, bề mặt bằng phẳng, chiều rộng là 7,5m, có vạch kẻ đứt quãng chia mặt đường thành hai chiều xe chạy riêng biệt, phần đường từ hướng cầu Rạch Đào đến ngã tư Rạch Kiến rộng 4m, phần đường ngược lại rộng 3,5m.

Khám nghiệm hiện trường theo hướng từ cầu Rạch Đào đi ngã tư Rạch Kiến, lấy mép lề phải làm chuẩn, các số đo vào mép lề phải được đo vuông góc, lấy trụ điện số 6/168 bên lề phải làm mốc cố định.

Hiện trường để lại các dấu vết, phương tiện sau:

Từ trụ điện số 6/168 đo theo hướng đi cầu Rạch Đào một đoạn dài 12,1m là đầu vết cày, vết cày được ký hiệu là (1). (1) bị đứt quãng, có chiều dài là 5,7m, có hướng từ cầu Rạch Đào đến ngã tư Rạch Kiến, đầu và cuối (1) đo lần lượt vào mép đường chuẩn là 2,1m và 2,8m, cuối (1) nằm ngay đầu gác chân phía trước, bên trái của xe mô tô biển số 62L1-419.31, xe mô tô biển số 62L1-419.31 được ký hiệu là (2).

(2) ngã về bên trái, đầu (2) hướng vào mép đường chuẩn, đuôi (2) hướng về mép đường bên trái, tâm trục bánh xe trước và sau của (2) đo lần lượt vào mép đường chuẩn là 2,2m và 3,5m. Từ tâm trục bánh xe trước của (2) đo vào mép đường chuẩn một đoạn dài 0,6m là tâm trục bánh xe trước của xe đạp, xe đạp được ký hiệu là (3).

(3) ngã về bên trái, nằm trên xe (2), đầu (3) hướng vào mép đường chuẩn, đuôi (3) hướng về mép đường bên trái, tâm trục bánh xe trước và sau của (3) đo lần lượt vào mép đường chuẩn là 1,9m và 2,7m. Từ tâm trục bánh xe trước của (3) đo theo hướng đi ngã tư Rạch Kiến, hướng vào mép đường chuẩn một đoạn dài 3,2m là tâm vùng chất dịch màu đỏ, vùng chất dịch màu đỏ được ký hiệu là (4). (4) có kích thước 0,3m x 0,3m, tâm (4) nằm ngay trên mép đường chuẩn.

Căn cứ biên bản khám phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông ngày 28/10/2022 của Công an huyện CD thể hiện:

Đối với xe mô tô biển số 62L1-419.31: Gương chiếu hậu bên phải bị cong; ốp nhựa của gương chiếu hậu phía bên trái có vết trầy xước; đầu gù tay lái phía bên trái bị mài mòn; đầu cung chắn bùn của bánh xe phía trước có vết trầy xước; Yếm xe phía bên phải có vết trầy xước; lốp xe phía trước có vết trượt, trầy xước màu đen; càng thắng phía sau có vết trượt, trầy xước; ốp máy phía bên phải có vết trượt, trầy xước; ốp nhựa đầu xe phía bên trái bị mài mòn; gác chân phía trước, bên trái bị cong về sau, đầu gác chân bị mài mòn.

Đối với xe đạp: cung chắn bùn của bánh xe sau bị cong, đèn phản quang gắn trên cung chắn bùn phía sau đuôi xe bị vỡ, niềng và cãm xe của bánh xe sau bị cong, lốp bánh xe sau có vết trượt màu đen.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo L thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nêu trên. Bị cáo bị truy cứu về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” là đúng, không oan sai. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, bị cáo tự nguyện khai báo; không có ai đe dọa, cưỡng ép, không ai bức cung nhục hình; Bị cáo không có ý kiến về Kết luận giám định pháp y, Biên bản khám nghiệm hiện trường, Sơ đồ hiện trường. Về trách nhiệm dân sự, bị cáo và gia đình của bị hại tự nguyện thỏa thuận, khắc phục bồi thường tổng số tiền 130.000.000 đồng.

Người đại diện hợp pháp của bị hại là bà Võ Thị N, ông Nguyễn Văn Kh, anh Lê Hoàng M, trình bày tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa như sau: Vào khoảng 07 giờ ngày 28/10/2022, chị Nguyễn Thị Mộng T điều khiển xe đạp, chở phía sau Lê Thành Đạt, lưu thông trên đường Tỉnh lộ 826, đi theo hướng từ nhà tại ấp VP, xã ML, huyện CD đến chợ Rạch Kiến thuộc xã Long Hòa, huyện CD thì bị tai nạn, chị T bị thương nặng được người dân đưa đi cấp cứu tại Trung tâm y tế huyện CD cơ sở 2 và tử vong cùng ngày còn cháu Đạt bị thương tích nhẹ. Sau khi chị T tử vong, bị cáo và gia đình chị T đã tự nguyện thỏa thuận, khắc phục bồi thường tổng số tiền 130.000.000 đồng. Bà Võ Thị N, ông Nguyễn Văn Kh, anh Lê Hoàng M không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản nào khác, kể cả tổn thất về tinh thần, không yêu cầu xử lý hình sự bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Lâm Tùng Th trình bày tại phiên tòa như sau: Xe mô tô biển số 62L1-419.31 thuộc sở hữu của anh. Ngày 28/10/2022, anh đi phụ hồ không có ở nhà, xe mô tô biển số 62L1-419.31, anh để ở nhà, chìa khóa xe để trong tủ. L là con ruột anh tự ý lấy xe điều khiển lưu thông trên đường tỉnh lộ 826 anh hoàn toàn không biết. Đến khi L va chạm với xe đạp của chị T thì anh mới biết. Anh có cùng L bồi thường cho gia đình chị T số tiền 130.000.000 đồng, trong đó tiền của L là 30.000.000 đồng, tiền của anh là 100.000.000 đồng. Anh không yêu giải quyết buộc L trả lại.

Bản Cáo trạng số: 12/CT-VKS ngày 16/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện CD, tỉnh LA truy tố bị cáo Lâm Thị Trúc L về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lâm Thị Trúc L phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bồi thường thiệt hại cho gia đình người bị hại và gia đình bị hại có đơn đề nghị không xử lý hình sự đối với bị cáo nên áp dụng Điều 54 BLHS để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà Điều luật quy định nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật hình sự.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo, Lâm Thị Trúc L từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho gia đình người bị hại. Gia đình người bị hại không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Ý kiến của bị cáo về quyết định truy tố của Viện kiểm sát: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, việc bị cáo bị truy tố về hành vi “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” là không oan, không sai; bị cáo không có ý kiến về tội danh mà Kiểm sát viên đề nghị; chỉ xin được hưởng án treo vì chuẩn bị kết hôn.

Đại diện hợp pháp của người bị hại không tranh luận chỉ xin cho bị cáo được hưởng án treo để kết hôn.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng:* Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện CD, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện CD, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Xét nội dung vụ án:* Qua tranh tụng tại phiên tòa có đủ căn cứ để Hội đồng xét xử kết luận: Vào khoảng 07 giờ 15 phút ngày 28/10/2022, Lâm Thị Trúc L không có giấy phép lái xe hạng A1, điều khiển xe mô tô biển số 62L1-419.31 có dung tích xilanh 97 cm³, lưu thông trên đường tỉnh lộ 826 hướng từ cầu Rạch Đào, xã ML đến ngã tư Rạch Kiến, xã Long Hòa để mua đồ ăn sáng. Khi đến khu vực thuộc ấp 2, xã Tân Trạch, huyện CD thì do L vượt xe không đảm bảo an toàn nên va chạm với xe đạp do chị T điều khiển lưu thông cùng chiều phía trước xảy ra tai nạn giao thông. Hậu quả làm chị T bị thương nặng và tử vong do chấn thương sọ não.

Hành vi của Lâm Thị Trúc L vượt xe không đảm bảo an toàn, điều khiển xe mô tô khi không có giấy phép lái xe theo quy định đã vi phạm khoản 9 Điều 8 và khoản 1, khoản 2 Điều 14 Luật giao thông đường bộ.

Điều 8 Luật giao thông đường bộ quy định các hành vi bị nghiêm cấm:

“9. *Điều khiển xe cơ giới không có giấy phép lái xe theo quy định.*

...”

Điều 14 Luật giao thông đường bộ quy định.

1. Xe xin vượt phải có báo hiệu bằng đèn hoặc còi; trong đô thị và khu đông dân cư từ 22 giờ đến 5 giờ chỉ được báo hiệu xin vượt bằng đèn.

2. Xe xin vượt chỉ được vượt khi không có chướng ngại vật phía trước, không có xe chạy ngược chiều trong đoạn đường định vượt, xe chạy trước không có tín hiệu vượt xe khác và đã tránh về bên phải.

...”

Điều 260 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Làm chết người;

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

a) Không có giấy phép lái xe theo quy định.

Như vậy, hành vi của bị cáo Lâm Thị Trúc L đã cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự. Chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa, tuyên bố bị cáo Lâm Thị Trúc L phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

[3] *Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Sau khi phạm tội, bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho gia đình người bị hại; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo có nhân thân tốt; phạm tội lần đầu; đại diện người bị hại có đơn đề nghị không xử lý hình sự với bị cáo; đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.*

[5] *Xét hình phạt:* Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ, gây hậu quả chết người. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm để đảm bảo sức răn đe phòng ngừa chung. Tuy nhiên xét thấy bị cáo có đủ các điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP: Có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và nơi làm việc ổn định, có khả năng tự cải tạo, việc cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự; bị cáo chuẩn bị kết hôn, đại diện hợp pháp của người bị hại tha thiết xin cho bị cáo

được hưởng án treo và thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật, tạo môi trường tốt để bị cáo có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống nên áp dụng Điều 65 của Bộ Luật Hình sự cho bị cáo hưởng án treo.

[6] *Xét trách nhiệm dân sự*: Bị cáo và gia đình người bị hại xác định phần trách nhiệm dân sự đã thỏa thuận xong, không yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét, không đề cập.

[7] *Về vật chứng, tang vật của vụ án*: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra có tạm giữ và đã trả lại xe cho chủ sở hữu là phù hợp.

[8] *Về án phí*: Bị cáo Lâm Thị Trúc L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đối với anh Lâm Tùng Th là chủ sở hữu xe mô tô biển số 59H1-641.92, Lâm Thị Trúc L tự ý lấy xe anh để đi mà không có hỏi ý kiến của anh, anh Th không biết, hành vi trên không cấu thành tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ” là phù hợp. Anh Th không yêu giải quyết buộc L trả lại 100.000.000 đồng nên không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên bố: Bị cáo Lâm Thị Trúc L phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Xử phạt bị cáo Lâm Thị Trúc L: 03 (ba) năm tù. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 12/4/2023.

Giao bị cáo Lâm Thị Trúc L cho Ủy ban nhân dân xã ML, huyện CĐ, tỉnh LA theo dõi, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo (bị cáo L) thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo (bị cáo L) cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm

tội mới thì Tòa án buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Về án phí: Bị cáo Lâm Thị Trúc L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LA (01b);
- Sở Tư pháp tỉnh LA (01b);
- VKSND huyện (01b);
- CQĐT Công an cấp huyện (01b);
- Chi cục THADS huyện (01b);
- Bị cáo (01b);
- Các đương sự (01b);
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Hữu Nghĩa

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gò thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gò thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị

cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)